TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2020/HS-ST
Ngày 27- 8- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 285/2020/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Dương Văn T, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông không rõ và bà Dương Thị L, sinh năm: Không rõ; có 01 anh ruột, sinh năm: 1988; có vợ Phan Thị Hồng N, sinh năm 1999, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 12/02/2020, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Kim L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã Lương Thế C, huyện C, tỉnh Cà Mau; trú tại: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Dương T, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; trú tại: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;vắng mặt.

3. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trú tại: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường số 7, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Trần T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

4. Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trú tại: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Công M; vắng mặt.

2. Nguyễn Đình N; vắng mặt.

3. Hoàng Văn Y; vắng mặt.

4. Nguyễn Hoàng N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T, cướp giật tài sản của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài. T đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 12/02/2020, T điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 38K1–510.45 chạy đến trước Công ty giấy A, thuộc khu phố B, phường A, thành phố D, phát hiện chị Đinh Thị H đang dừng xe trên hành lang đường để bấm điện thoại, T quay đầu xe chạy ngược chiều, ép sát bên trái phía chị H rồi dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Oppo A3S của chị H. Giật được điện thoại, T điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy, khi T điều khiển xe chạy được khoảng 01km thì dừng xe lại bỏ điện thoại chiếm đoạt được vào trong cốp xe.

Vụ thứ hai: T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 38K1–510.45 chạy trên các tuyến đường thuộc địa bàn phường A, thành phố D. Đến khoảng 22 giờ ngày 12/02/2020, T điều khiển xe mô tô chạy đến trước số nhà đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, phát hiện chị Võ Thị Dương T, đang đi bộ bấm điện thoại nên T quay đầu xe và dừng lại đứng chờ chị T đi tới. Khi chị T đi ngang thì T dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Oppo F9 sau ốp lưng điện thoại có kẹp 200.000 đồng. Giật được điện thoại và tiền T điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy được khoảng 01 km thì dừng xe bỏ điện thoại và tiền vào cốp xe.

Vụ thứ ba: T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 38K1–510.45 đi tìm tài sản, đến khoảng 22 giờ 15 phút ngày 12/02/2020, T điều khiển xe mô tô đến trước trường tiểu học A, thuộc khu phố B, phường A, phát hiện chị Phạm Thị Mỹ H, đứng trên hành lang đường nói chuyện với một thanh niên, trong túi quần phía sau bên phải của chị H có để ló ra 01 điện thoại di động, thấy vậy T điều khiển xe mô tô ép sát phía sau chị H rồi dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Oppo F5 của chị H và tăng ga xe bỏ chạy, bỏ điện thoại chiếm đoạt được vào hộc đựng đồ phía trước của xe mô tô.

Vụ thứ tư: Sau khi chiếm đoạt điện thoại của chị H, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi tìm tài sản. Khoảng 22 giờ 30 phút T điều khiển xe mô tô biển số 38K1–510.45 đến trước số nhà đường X, khu phố B, phường A, thành phố D thì phát hiện chị Trần Kim L, đang đi bộ phía trước cùng chiều, trên tay phải của chị L đang cầm 01 điện thoại di động, lúc này T điều khiển xe mô tô chạy lên ép sát rồi dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus và tăng ga xe bỏ chạy được khoảng 01 km thì anh Hoàng Văn Y và anh Nguyễn Hoàng N đuổi theo bắt giữ T cùng vật chứng giao cho Công an phường A.

Qua điều tra xác định ngoài thực hiện hành vi giật tài sản nêu trên, Dương Văn T còn nhiều lần thực hiện hành vi giật điện thoại của người đi đường, nhưng chưa xác định được bị hại, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 18/12/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 38K1–510.45, lưu thông trên đường Dương Đình N, khu phố B, phường A, thành phố D, phát hiện 01 phụ nữ đang đi bộ và trên tay cầm 01 chiếc điện thoại, T điều khiển xe mô tô áp sát rồi dùng tay trái giật chiếc điện thoại hiệu Samsung J4 của người phụ nữ. T đem đến tiệm cầm đồ "T" địa chỉ khu phố B, phường A, thành phố D, T gặp anh Trần T để mở mật khẩu điện thoại hiệu Samsung J4. Mở được mật khẩu, T đem đến tiệm cầm đồ "H" địa chỉ khu phố B, phường A gặp anh Nguyễn Văn K cầm cố chiếc điện thoại Samsung J4 được số tiền 1.000.000đồng. Do thời hạn cầm cố điện thoại hết, T không đến chuộc lại nên anh K đã bán cho khách hàng (hiện chiếc điện thoại Samsung J4 không thu hồi được).

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 08/01/2020, Dương Văn T điều khiển xe mô tô biển số 38K1–510.45 lưu thông trên đoạn đường A, khu phố B, phường A, phát hiện 01 phụ nữ, (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang đi bộ trên đường trên tay có cầm 01 điện thoại, T điều khiển xe mô tô áp sát rồi dùng tay trái giật điện thoại hiệu Oppo A83 của người phụ nữ. Giật được điện thoại T tăng ga bỏ chạy thoát.

Vụ thứ ba: Sau khi giật chiếc điện thoại Oppo A83, T bỏ chạy được khoảng 500m thì phát hiện 01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang đi bộ, trên tay có cầm 01 điện thoại, T điều khiển xe áp sát và dùng tay trái giật chiếc điện thoại và tăng ga xe mô tô tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại hiệu Oppo A83 và điện thoại Samsung A20 của 02 phụ nữ, T đem đến tiệm cầm đồ "T" tại số khu phố B, phường A. Tại đây T gặp anh Trần T để mở mật khẩu. Mở được mật khẩu, T đem đến tiệm cầm đồ "H" địa chỉ khu phố B, phường A gặp anh Nguyễn Văn K cầm cố điện thoại Oppo A83 và điện thoại Samsung A20 được số tiền 2.000.000 đồng, hiện thu hồi được điện thoại Oppo A83 và điện thoại Samsung A20).

Theo bản kết luận định giá số 163/BB.ĐG ngày 20/02/2020 của hội đồng định giá thành phố D, tỉnh Bình Dương: xác định tài sản bị chiếm đoạt có giá trị :

+ 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng trị giá 5.200.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F5, màu xám trị giá 500.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A3S, trị giá 1.100.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F9, trị giá 1.500.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Samsung A 20, trị giá 1.200.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A 83, trị giá 1.000.000đồng;
+ 01 Điện thoại di động hiệu Samsung J4, trị giá 800.000đồng;

Đối với Trần T và Nguyễn Văn K không biết tài sản do Dương Văn T phạm tội mà có nên không xử lý về trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng thu giữ, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A 20; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A 83; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; xe mô tô hiệu Vision biển số 38K1–510.45; 01 cái nón bảo hiểm màu hồng có chữ Hoàng Cầu.

Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị hại Trần Kim L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng;

+ Trả lại cho bị hại Phạm Thi H 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, màu xám;

+ Trả lại cho bị hại chị Đinh Thị H 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S.

+ Trả lại cho bị hại Võ Thị Dương T 01 đ iện thoại di động hiệu Oppo F9 và số tiền 200.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 318/CT–VKS ngày 06 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Dương Văn T về Tội cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Dương Văn T mức án từ 05 năm đến 06 năm tù;

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 38K1–510.45, Dương Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe do vợ của T là chị Phạm Thị Hồng N đứng tên là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị tịch thu giá trị ½ chiếc xe.

Đối với 01 nón bảo hiểm màu vàng có chữ Hoàng cầu xét không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị buộc Dương Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Văn K số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 40 phút đến 22 giờ 30 phút ngày 12/02/2020, Dương Văn T đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật điện thoại của nhiều người đi đường trên địa bàn phường A, gồm những bị hại chị Trần Kim L 01 bị cướp giật điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, chị Phạm Thi H bị cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, màu xám, chị Đinh Thị H bị cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S, và chị Võ Thị Dương T bị cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 và số tiền 200.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt là 8.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Dương Văn T đủ yếu tố cấu thành Tội cướp giật tài sản. Do đó Cáo trạng số: 318/CT–VKS ngày 06 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Dương Văn Trình là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, lười lao động và mong muốn có tiền để tiêu xài nên đã cố ý thực hiện cướp giật tài sản của người đi đường. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu hiệu Vision biển số 38K1–510.45, Dương Văn Trình sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe do vợ của Trình là chị Phạm Thị Hồng N đứng tên là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị tịch thu giá trị ½ chiếc xe.

Đối với 01 nón bảo hiểm màu vàng có chữ Hoàng cầu xét không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đề nghị buộc Dương Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Văn K số tiền 2.000.000 đồng, giá trị điện thoại không thu hồi được.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm Tội cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2020.

2. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Tuyên tịch thu ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 38K1–510.45; trả lại cho chị Phạm Thị Hồng N giá trị ½ chiếc xe.

Buộc Dương Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Văn K số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu vàng có chữ Hoàng cầu.

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Quân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.